

Số: /QĐ-UBND

Gia Lâm, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách xã Gia Lâm năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIA LÂM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND xã Gia Lâm về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước xã Gia Lâm năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND xã Gia Lâm về việc giao dự toán ngân sách nhà nước xã Gia Lâm năm 2025;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã Gia Lâm tại Tờ trình số 06/TTr-KT ngày 17/7/2025 về việc công bố công khai dự toán ngân sách xã Gia Lâm năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Gia Lâm năm 2025 (Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Xã; Trưởng Phòng Kinh tế; thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND TP Hà Nội;
- Sở Tài chính Hà Nội;
- TT ĐU - TT HĐND - UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã Gia Lâm;
- Lưu: VT (03).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Dương Viết Cường

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	305 515
I	Thu NS xã được hưởng theo phân cấp	70 745
-	Thu NS xã hưởng 100%	70 745
-	Thu NS xã hưởng từ các khoản thu phân chia	
II	Thu chuyển nguồn (để thực hiện cải cách tiền lương)	3 481
III	Kết dư năm trước	
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	231 289
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	231 289
B	CHI NGÂN SÁCH XÃ	305 515
I	Chi cân đối ngân sách xã	74 226
1	Chi đầu tư phát triển	10 560
2	Chi thường xuyên	62 136
3	Dự phòng ngân sách	1 530
II	Chi các chương trình mục tiêu	231 289
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia NTM	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	231 289
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC XÃ GIA LÂM NĂM 2025*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Thu NSNN	Thu NSX
	TỔNG THU	305 515	305 515
I	Các khoản thu hưởng 100%	70 745	70 745
1	Lệ phí trước bạ nhà đất	55 703	55 703
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	9 058	9 058
3	Phí, lệ phí	1 093	1 093
-	Phí, lệ phí	304	304
-	Lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh	789	789
4	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	2 528	2 528
5	Thu đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất	1 117	1 117
6	Các khoản thu khác ngân sách	1 246	1 246
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %		
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	231 289	231 289
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách		
-	Thu bổ sung có mục tiêu	231 289	231 289
IV	Thu chuyển nguồn	3 481	3 481

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ GIA LÂM NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
	TỔNG CHI NSDP	305 515	10 560	294 955
1	Chi sự nghiệp kinh tế	10 707	1117	9 590
2	Chi sự nghiệp môi trường	449		449
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ			
4	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	162 558		162 558
5	Chi sự nghiệp Y tế và dân số KHHGD	11 353		11 353
6	Chi sự nghiệp VH TT	7 694		7 694
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	366		366
8	Chi sự nghiệp TDTT	4 949		4 949
9	Chi đảm bảo xã hội	16 427		16 427
10	Chi quản lý hành chính, đảng đoàn thể	62 964		62 964
11	Chi an ninh, quốc phòng	12 938		12 938
	- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội	7 046		7 046
	- Chi quốc phòng địa phương	5 892		5 892
12	Chi khác ngân sách	13 580	9 443	4 137
13	Dự phòng ngân sách	1 530		1 530

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Dự phòng ngân sách
	TỔNG CỘNG	291.572	1.117	288.925	1.530
I	Các cơ quan, đơn vị	290.042	1.117	288.925	
1	Văn phòng Đảng ủy	9.878		9.878	
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	3.875		3.875	
3	Văn phòng HĐND và UBND	56.443		56.443	
4	Phòng Văn hóa - Xã hội	22.690		22.690	
5	Phòng Kinh tế	9.375		9.375	
6	Trường Mầm non Dương Xá	10.254		10.254	
7	Trường Mầm non Cổ Bi	9.354		9.354	
8	Trường Mầm non Hoa Phượng	6.931		6.931	
9	Trường Mầm non Kiều Kỵ	8.762		8.762	
10	Trường Mầm non Quang Trung	6.171		6.171	
11	Trường Mầm non Trâu Quỳ	9.792		9.792	
12	Trường Tiểu học Dương Xá	12.333		12.333	
13	Trường Tiểu học Kiều Kỵ	10.364		10.364	
14	Trường Tiểu học Cổ Bi	7.169		7.169	
15	Trường Tiểu học Nông Nghiệp	8.917		8.917	
16	Trường Tiểu học Trâu Quỳ	9.195		9.195	
17	Trường Tiểu học Trung Thành	7.268		7.268	
18	Trường THCS Dương Xá	12.325		12.325	
19	Trường THCS Cổ Bi	12.196		12.196	
20	Trường THCS Kiều Kỵ	10.320		10.320	
21	Trường THCS Trâu Quỳ	15.999		15.999	
22	Trung tâm Chính trị khu vực Gia Lâm	3.650		3.650	
23	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	11.963		11.963	
24	Trạm Y tế xã	6.974		6.974	
25	Ban Quản lý dự án đầu tư - hạ tầng	6.117	1.117	5.000	
26	Bảo hiểm xã hội	1.727		1.727	
II	Dự phòng ngân sách	1.530			1.530

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
	TỔNG CỘNG	291 572	1 117	288 925	1 530			
I	Các cơ quan, tổ chức	290 042	1 117	288 925				
1	Văn phòng Đảng ủy	9 878		9 878				
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	3 875		3 875				
3	Văn phòng HĐND và UBND	56 443		56 443				
4	Phòng Văn hóa - Xã hội	22 690		22 690				
4	Phòng Kinh tế	9 375		9 375				
5	Trường Mầm non Dương Xá	10 254		10 254				
6	Trường Mầm non Cổ Bi	9 354		9 354				
7	Trường Mầm non Hoa Phượng	6 931		6 931				
8	Trường Mầm non Kiều Ky	8 762		8 762				
9	Trường Mầm non Quang Trung	6 171		6 171				
10	Trường Mầm non Trâu Quỳ	9 792		9 792				
11	Trường Tiểu học Dương Xá	12 333		12 333				
12	Trường Tiểu học Kiều Ky	10 364		10 364				
13	Trường Tiểu học Cổ Bi	7 169		7 169				
14	Trường Tiểu học Nông Nghiệp	8 917		8 917				
15	Trường Tiểu học Trâu Quỳ	9 195		9 195				
16	Trường Tiểu học Trung Thành	7 268		7 268				

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
17	Trường THCS Dương Xá	12 325		12 325				
18	Trường THCS Cổ Bi	12 196		12 196				
19	Trường THCS Kiều Ky	10 320		10 320				
20	Trường THCS Trâu Quỳ	15 999		15 999				
21	Trung tâm Chính trị Khu vực Giá Lâm	3 650		3 650				
22	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	11 963		11 963				
23	Trạm Y tế xã	6 974		6 974				
24	Ban Quản lý dự án đầu tư - hạ tầng	6 117	1 117	5 000				
25	Bảo hiểm xã hội	1 727		1 727				
II	Chi dự phòng ngân sách	1 530			1 530			
III	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương							
IV	Chi chương trình MTQG							
V	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau							

DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN NĂM 2025												
		Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
	TỔNG CỘNG (A+B)	288.925	162.558	5.892	6.046	11.353	7.694	366	4.949	449	9.590	62.964	16.427	637
1	Văn phòng Đảng ủy	9.878										9.878		
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	3.875										3.875		
3	Văn phòng HĐND và UBND	56.443	0	5.892	6.046	85	391	166	79	49	982	41.061	1.055	637
4	Phòng Văn hóa - Xã hội	22.690	1.558			3.732	410				640	3.037	13.313	
5	Phòng Kinh tế	9.375				66				400	2.968	5.113	828	
6	Trường Mầm non Dương Xá	10.254	10.254											
7	Trường Mầm non Cổ Bi	9.354	9.354											
8	Trường Mầm non Hoa Phượng	6.931	6.931											
9	Trường Mầm non Kiều Kỵ	8.762	8.762											
10	Trường Mầm non Quang Trung	6.171	6.171											
11	Trường Mầm non Trâu Quỳ	9.792	9.792											
12	Trường Tiểu học Dương Xá	12.333	12.333											
13	Trường Tiểu học Kiều Kỵ	10.364	10.364											
14	Trường Tiểu học Cổ Bi	7.169	7.169											
15	Trường Tiểu học Nông Nghiệp	8.917	8.917											
16	Trường Tiểu học Trâu Quỳ	9.195	9.195											
17	Trường Tiểu học Trung Thành	7.268	7.268											
18	Trường THCS Dương Xá	12.325	12.325											
19	Trường THCS Cổ Bi	12.196	12.196											
20	Trường THCS Kiều Kỵ	10.320	10.320											
21	Trường THCS Trâu Quỳ	15.999	15.999											
22	Trung tâm Chính trị Khu vực Giá Lâm	3.650	3.650											
23	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	11.963					6.893	200	4.870					
24	Trạm Y tế xã	6.974				6.974								
25	Ban Quản lý dự án đầu tư - hạ tầng	5.000									5.000			
26	Bảo hiểm xã hội	1.727				496							1.231	

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi đảm bảo xã hội	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
	TỔNG SỐ	1 117										1 117					
1	Ban Quản lý dự án đầu tư - hạ tầng	1 117										1 117					

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÃ GIA LÂM NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch vốn năm 2024	KH năm 2025			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó		
								Nguồn vốn XDCB tập trung theo phân cấp	Nguồn đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất	
	Tổng cộng				44 793		10 560	9 443	1 117	
I	Lĩnh vực kinh tế	3			44 793		1 117		1 117	
1	Vốn chuẩn bị đầu tư				44 793		1 117		1 117	
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông, thoát nước ngõ xóm trên địa bàn các TDP, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm Giai đoạn 3	1	Xã Gia Lâm	NQ 16 29/12/2023 của HĐND thị trấn Trâu Quỳ	14.993		417		417	
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông, thoát nước ngõ xóm trên địa bàn các TDP, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm Giai đoạn 4	1	Xã Gia Lâm	NQ 16 29/12/2023 của HĐND thị trấn Trâu Quỳ	14.900		350		350	
3	Cải tạo, nâng cấp một số công trình hạ tầng kỹ thuật, vườn hoa, sân chơi trên địa bàn thị trấn Trâu Quỳ	1	Xã Gia Lâm	NQ 12 26/12/2024 của HĐND thị trấn Trâu Quỳ	14.900		350		350	
II	Vốn thực hiện dự án, thanh tất toán						9 443	9 443		